TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2024/QĐST- HNGĐ	*K, ngày 28 tháng 5 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH H

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 32/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1/ Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

-Chị Lê Thị Thu H1, sinh năm: 1979;

- Anh Lê Văn T, sinh năm: 1974;

Đều HKTT và trú tại: Thôn M, xã T1, huyện K, tỉnh H.

2/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Cháu Lê Minh Q, sinh ngày 04/5/2018;

Người đại diện theo pháp luật cho cháu Q là anh Lê Văn T và chị Lê Thị Thu H1 (là bố mẹ đẻ của cháu Quân)

Đều ĐKHKTT và trú tại: Thôn M, xã T1, huyện K, tỉnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu H1 và anh Lê Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên đều tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T1,

huyện K, tỉnh H vào ngày 04/12/1998. Quá trình chung sống, vợ chồng anh, chị đã xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng. Mâu thuẫn hôn nhân trở nên trầm trọng từ năm 2022 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên không còn tình cảm và không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay cả hai bên cùng xác định mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, thể hiện đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T và chị H1 cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung là phù hợp với các quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị H1.

[2] Về con chung: Anh T và chị H1 có 03 con chung tên Lê Thanh H2 sinh ngày 29/7/1999, Lê Thị L, sinh ngày 19/01/2002; Lê Minh Q, sinh ngày 04/5/2018. Hiện nay cháu H2, L đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không đặt ra xem xét giải quyết. Anh T và chị H1 thoả thuận với nhau để chị H1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lê Minh Q cho đến khi cháu Q đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Việc cấp dưỡng nuôi con chung, anh T và chị H1 không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Sự thỏa thuận về nuôi con của anh T và chị H1 là tự nguyện phù hợp với các quy định của pháp luật nên Tòa án công nhận.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức và ruộng canh tác: Anh T và chị H1 đều không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về lệ phí: Anh T và chị H1 thỏa thuận để chị H1 chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thu H1 và anh Lê Văn T.

- Về con chung: Chị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu Lê Minh Q, sinh ngày 04/5/2018 cho đến khi cháu cháu Q đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-Anh Thôn được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản; Anh T, chị H1 được quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về các vấn đề khác: Tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất 03, công sức đối với gia đình hai bên nội, ngoại đều không có, không yêu cầu giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị H1 tự nguyện nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001243 ngày 10/5/2024. Chị H1 đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm ly hôn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện K;
- UBND xã T1;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc T1